

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số 855/QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày 06/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

Ngày thi: 25,26/11/2023

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT2635	Trương Thái An	30/11/2008	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,0	DBG016686	CNTT/23/3971	Đạt	
2	CNTT2636	Giáp Ngọc Anh	03/04/2001	Bắc Giang	Nữ	6,5	5,5	DBG016687	CNTT/23/3972	Đạt	
3	CNTT2637	Nguyễn Thị Vân Anh	09/06/2008	Bắc Ninh	Nữ	6,2	5,0	DBG016688	CNTT/23/3973	Đạt	
4	CNTT2638	Nguyễn Ngọc Ánh	15/12/2008	Hải Phòng	Nữ	6,7	6,0	DBG016689	CNTT/23/3974	Đạt	
5	CNTT2639	Nguyễn Quỳnh Chi	02/02/2008	Bắc Ninh	Nữ	6,2	6,0	DBG016690	CNTT/23/3975	Đạt	
6	CNTT2640	Nguyễn Công Chiến	28/09/2006	Bắc Ninh	Nam	7,2	6,0	DBG016691	CNTT/23/3976	Đạt	
7	CNTT2641	Nguyễn Trung Đức	24/11/2008	Bắc Ninh	Nam	6,2	5,5	DBG016692	CNTT/23/3977	Đạt	
8	CNTT2642	Nguyễn Thị Hương Giang	16/01/2008	Bắc Ninh	Nữ	6,5	6,0	DBG016693	CNTT/23/3978	Đạt	
9	CNTT2643	Vũ Duy Hà	07/09/2007	Bắc Ninh	Nam	7,0	6,5	DBG016694	CNTT/23/3979	Đạt	
10	CNTT2644	Nguyễn Hữu Hải	09/09/2008	Bắc Ninh	Nam	6,2	7,0	DBG016695	CNTT/23/3980	Đạt	
11	CNTT2645	Dương Thị Hiền	05/08/2008	Bắc Giang	Nữ	7,0	6,5	DBG016696	CNTT/23/3981	Đạt	
12	CNTT2646	Nguyễn Đăng Hiền	17/07/2008	Bắc Ninh	Nam	6,2	6,0	DBG016697	CNTT/23/3982	Đạt	
13	CNTT2647	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	03/11/2008	Bắc Ninh	Nữ	6,7	6,0	DBG016698	CNTT/23/3983	Đạt	
14	CNTT2648	Nguyễn Tuấn Hùng	11/04/2008	Bắc Giang	Nam	6,5	7,0	DBG016699	CNTT/23/3984	Đạt	
15	CNTT2649	Phan Thị Minh Huyền	07/05/2008	Bắc Ninh	Nữ	6,2	6,5	DBG016700	CNTT/23/3985	Đạt	
16	CNTT2650	Nguyễn Thị Hương	04/08/2008	Bắc Ninh	Nữ	6,2	6,5	DBG016701	CNTT/23/3986	Đạt	
17	CNTT2651	Phạm Nam Khánh	21/05/2008	Bắc Ninh	Nam	7,5	7,0	DBG016702	CNTT/23/3987	Đạt	
18	CNTT2652	Nguyễn Thị Loan	11/07/2008	Bắc Ninh	Nữ	6,2	6,5	DBG016703	CNTT/23/3988	Đạt	
19	CNTT2653	Nguyễn Đức Tài	21/11/2006	Bắc Ninh	Nam	7,0	6,0	DBG016704	CNTT/23/3989	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
20	CNTT2654	Nguyễn Văn Tài	19/07/2008	Bắc Giang	Nam	6,2	7,0	DBG016705	CNTT/23/3990	Đạt	
21	CNTT2655	Vũ Thị Phương Thanh	09/09/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,5	6,5	DBG016706	CNTT/23/3991	Đạt	
22	CNTT2656	Nguyễn Thị Thảo	28/05/2001	Bắc Ninh	Nữ	6,0	7,0	DBG016707	CNTT/23/3992	Đạt	
23	CNTT2657	Nguyễn Thu Thủy	05/01/2008	Bắc Ninh	Nữ	6,5	6,5	DBG016708	CNTT/23/3993	Đạt	
24	CNTT2658	Hoàng Ngọc Toàn	17/08/2008	Bắc Ninh	Nam	7,5	7,5	DBG016709	CNTT/23/3994	Đạt	
25	CNTT2659	Dương Thanh Tùng	26/03/2007	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,5	DBG016710	CNTT/23/3995	Đạt	
26	CNTT2660	Đào Thị Hồng Vân	27/08/2008	Bắc Ninh	Nữ	6,5	7,0	DBG016711	CNTT/23/3996	Đạt	
27	CNTT2661	Đỗ Thị Vân Anh	06/09/2006	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	DBG016712	CNTT/23/3997	Đạt	
28	CNTT2662	Nguyễn Thị Ngọc Anh	19/10/2006	Bắc Giang	Nữ	6,5	5,5	DBG016713	CNTT/23/3998	Đạt	
29	CNTT2663	Nguyễn Tuấn Anh	19/02/2006	Bắc Giang	Nam	7,2	6,0	DBG016714	CNTT/23/3999	Đạt	
30	CNTT2664	Phạm Việt Anh	04/02/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	5,0	DBG016715	CNTT/23/4000	Đạt	
31	CNTT2665	Giáp Thị Ngọc Ánh	13/10/2006	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,0	DBG016716	CNTT/23/4001	Đạt	
32	CNTT2666	Nguyễn Dương Bảo	17/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,0	DBG016717	CNTT/23/4002	Đạt	
33	CNTT2667	Nguyễn Văn Bảo	23/12/2006	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG016718	CNTT/23/4003	Đạt	
34	CNTT2668	Đỗ Thành Cương	21/09/2006	Bắc Giang	Nam	6,7	5,0	DBG016719	CNTT/23/4004	Đạt	
35	CNTT2669	Nguyễn Thị Doanh	28/09/2006	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,0	DBG016720	CNTT/23/4005	Đạt	
36	CNTT2670	Nguyễn Hữu Định	05/02/2006	Bắc Giang	Nam	7,2	5,0	DBG016721	CNTT/23/4006	Đạt	
37	CNTT2671	Đỗ Thị Hồng Gấm	03/12/2006	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,0	DBG016722	CNTT/23/4007	Đạt	
38	CNTT2672	Nguyễn Thị Ngọc Hà	28/07/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,5	5,0	DBG016723	CNTT/23/4008	Đạt	
39	CNTT2673	Đoàn Thị Hằng	31/12/2006	Bắc Giang	Nữ	7,7	5,5	DBG016724	CNTT/23/4009	Đạt	
40	CNTT2674	Phạm Văn Hậu	11/08/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG016725	CNTT/23/4010	Đạt	
41	CNTT2675	Lê Thị Hoan	22/01/2006	Bắc Giang	Nữ	7,0	5,0	DBG016726	CNTT/23/4011	Đạt	
42	CNTT2676	Nguyễn Ngọc Hoàng	30/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG016727	CNTT/23/4012	Đạt	
43	CNTT2677	Nguyễn Phi Hùng	05/01/2006	Bắc Giang	Nam	6,7	5,0	DBG016728	CNTT/23/4013	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
44	CNTT2678	Nguyễn Danh	Hung	17/05/2006	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG016729	CNTT/23/4014	Đạt	
45	CNTT2679	Phạm Anh	Khoa	06/10/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG016730	CNTT/23/4015	Đạt	
46	CNTT2680	Nguyễn Thị Thùy	Linh	30/12/2006	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	DBG016731	CNTT/23/4016	Đạt	
47	CNTT2681	Nguyễn Thị	Loan	14/07/2006	Bắc Giang	Nữ	7,0	5,5	DBG016732	CNTT/23/4017	Đạt	
48	CNTT2682	Lưu Thành	Long	25/08/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG016733	CNTT/23/4018	Đạt	
49	CNTT2683	Nguyễn Thị	Luyến	24/02/2006	Bắc Giang	Nữ	6,5	5,0	DBG016734	CNTT/23/4019	Đạt	
50	CNTT2684	Đặng Ngọc	Mai	11/04/2006	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,5	DBG016735	CNTT/23/4020	Đạt	
51	CNTT2685	Hoàng Thị	Mai	24/03/2006	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,0	DBG016736	CNTT/23/4021	Đạt	
52	CNTT2686	Nguyễn Đức	Mạnh	30/05/2006	Bắc Giang	Nam	7,5	5,5	DBG016737	CNTT/23/4022	Đạt	
53	CNTT2687	Lại Thị Hằng	Nga	02/10/2006	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,5	DBG016738	CNTT/23/4023	Đạt	
54	CNTT2688	Hoàng Văn	Nghiêm	08/10/2006	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	DBG016739	CNTT/23/4024	Đạt	
55	CNTT2689	Đỗ Văn	Quang	18/04/2006	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG016740	CNTT/23/4025	Đạt	
56	CNTT2690	Diêm Thị Như	Quỳnh	25/12/2006	Bắc Giang	Nữ	6,5	5,0	DBG016741	CNTT/23/4026	Đạt	
57	CNTT2691	Vũ Văn	Tài	13/04/2006	Bắc Giang	Nam	7,2	5,5	DBG016742	CNTT/23/4027	Đạt	
58	CNTT2692	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	14/10/2006	Bắc Ninh	Nữ	6,2	5,5	DBG016743	CNTT/23/4028	Đạt	
59	CNTT2693	Nguyễn Thị	Thắm	23/04/2006	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,5	DBG016744	CNTT/23/4029	Đạt	
60	CNTT2694	Nguyễn Văn	Thực	10/11/2006	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG016745	CNTT/23/4030	Đạt	
61	CNTT2695	Ngô Anh	Thương	30/12/2006	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG016746	CNTT/23/4031	Đạt	
62	CNTT2696	Nguyễn Thị	Thương	20/05/2006	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,5	DBG016747	CNTT/23/4032	Đạt	
63	CNTT2697	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	10/12/2006	Hồ Chí Minh	Nữ	6,2	5,5	DBG016748	CNTT/23/4033	Đạt	
64	CNTT2698	Hoàng Anh	Văn	31/08/2006	Bắc Giang	Nam	7,2	6,5	DBG016749	CNTT/23/4034	Đạt	
65	CNTT2699	Nguyễn Thị	An	07/01/2006	Bắc Giang	Nữ	6,5	5,0	DBG016750	CNTT/23/4035	Đạt	
66	CNTT2700	Trịnh Đoàn Bình	An	30/12/2006	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG016751	CNTT/23/4036	Đạt	
67	CNTT2701	Diêm Đức	Anh	01/12/2006	Bắc Giang	Nam	7,7	6,5	DBG016752	CNTT/23/4037	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
68	CNTT2702	Đỗ Tiến Anh	23/09/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG016753	CNTT/23/4038	Đạt	
69	CNTT2703	Trần Ngô Nhật Anh	12/12/2006	Bắc Giang	Nữ	7,0	5,0	DBG016754	CNTT/23/4039	Đạt	
70	CNTT2704	Vũ Xuân Biên	09/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG016755	CNTT/23/4040	Đạt	
71	CNTT2705	Ngô Văn Quốc Cường	02/11/2006	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG016756	CNTT/23/4041	Đạt	
72	CNTT2706	Nguyễn Mạnh Cường	09/03/2006	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG016757	CNTT/23/4042	Đạt	
73	CNTT2707	Phạm Văn Cường	09/10/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG016758	CNTT/23/4043	Đạt	
74	CNTT2708	Đỗ Văn Dân	07/10/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG016759	CNTT/23/4044	Đạt	
75	CNTT2709	Tổng Thị Dung	12/10/2006	Bắc Giang	Nữ	7,5	5,5	DBG016760	CNTT/23/4045	Đạt	
76	CNTT2710	Nguyễn Văn Dũng	10/09/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	5,0	DBG016761	CNTT/23/4046	Đạt	
77	CNTT2711	Phạm Văn Duy	12/11/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG016762	CNTT/23/4047	Đạt	
78	CNTT2712	Ngô Tiến Đạt	06/02/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	7,5	DBG016763	CNTT/23/4048	Đạt	
79	CNTT2713	Vũ Văn Đức	20/01/2006	Bắc Giang	Nam	6,7	5,0	DBG016764	CNTT/23/4049	Đạt	
80	CNTT2714	Diêm Đức Hai	03/07/2006	Bắc Giang	Nam	6,7	7,5	DBG016765	CNTT/23/4050	Đạt	
81	CNTT2715	Tổng Ngọc Hào	31/10/2006	Bắc Giang	Nam	6,5	5,0	DBG016766	CNTT/23/4051	Đạt	
82	CNTT2716	Giáp Thị Hiền	01/05/2006	Bắc Giang	Nữ	7,5	5,5	DBG016767	CNTT/23/4052	Đạt	
83	CNTT2717	Nguyễn Văn Hiền	28/07/2006	Bắc Giang	Nam	6,7	5,0	DBG016768	CNTT/23/4053	Đạt	
84	CNTT2718	Vũ Đình Hoàn	23/01/2006	Bắc Giang	Nam	6,5	7,0	DBG016769	CNTT/23/4054	Đạt	
85	CNTT2719	Đỗ Thị Huệ	17/09/2006	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,0	DBG016770	CNTT/23/4055	Đạt	
86	CNTT2720	Nguyễn Văn Huy	14/12/2006	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG016771	CNTT/23/4056	Đạt	
87	CNTT2721	Lê Thanh Huyền	26/07/2006	Hà Nội	Nữ	6,5	5,0	DBG016772	CNTT/23/4057	Đạt	
88	CNTT2722	Trương Viết Hưng	02/07/2006	Bắc Giang	Nam	7,2	5,5	DBG016773	CNTT/23/4058	Đạt	
89	CNTT2723	Ngô Danh Khánh	20/01/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG016774	CNTT/23/4059	Đạt	
90	CNTT2724	Tạ Quang Khiêm	16/01/2006	Bắc Giang	Nam	6,5	5,0	DBG016775	CNTT/23/4060	Đạt	
91	CNTT2725	Đào Thị Lan	16/07/2006	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,5	DBG016776	CNTT/23/4061	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
92	CNTT2726	Nguyễn Văn	Long	09/12/2006	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG016777	CNTT/23/4062	Đạt	
93	CNTT2727	Đỗ Thị	Luyến	05/10/2006	Bắc Giang	Nữ	6,5	7,0	DBG016778	CNTT/23/4063	Đạt	
94	CNTT2728	Đỗ Đức	Lương	13/06/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	7,0	DBG016779	CNTT/23/4064	Đạt	
95	CNTT2729	Dương Thị	Lương	28/02/2006	Bắc Giang	Nữ	7,0	6,0	DBG016780	CNTT/23/4065	Đạt	
96	CNTT2730	Đỗ Thị	Ly	26/09/2006	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,0	DBG016781	CNTT/23/4066	Đạt	
97	CNTT2731	Nguyễn Thị	Lý	30/01/2006	Bắc Giang	Nữ	6,5	5,5	DBG016782	CNTT/23/4067	Đạt	
98	CNTT2732	Nguyễn Thị Thu	Minh	20/09/2006	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,5	DBG016783	CNTT/23/4068	Đạt	
99	CNTT2733	Nguyễn Thị	Nhi	29/11/2006	Bình Thuận	Nữ	6,7	5,0	DBG016784	CNTT/23/4069	Đạt	
100	CNTT2734	Ngô Thị	Nhung	29/06/2006	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,5	DBG016785	CNTT/23/4070	Đạt	
101	CNTT2735	Nguyễn Thị	Ninh	19/06/2006	Bắc Giang	Nữ	7,5	6,0	DBG016786	CNTT/23/4071	Đạt	
102	CNTT2736	Trần Việt	Phúc	26/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,0	DBG016787	CNTT/23/4072	Đạt	
103	CNTT2737	Đỗ Văn	Quyền	28/02/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG016788	CNTT/23/4073	Đạt	
104	CNTT2738	Nguyễn Văn	Tiến	01/02/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG016789	CNTT/23/4074	Đạt	
105	CNTT2739	Đỗ Thị	Trang	08/05/2006	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,0	DBG016790	CNTT/23/4075	Đạt	
106	CNTT2740	Nguyễn Thu	Trang	24/11/2006	Bắc Giang	Nữ	6,5	5,0	DBG016791	CNTT/23/4076	Đạt	
107	CNTT2741	Nguyễn Đức	Trung	27/04/2006	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG016792	CNTT/23/4077	Đạt	
108	CNTT2742	Nguyễn Anh	Tuấn	24/07/2006	Bắc Giang	Nam	7,5	6,0	DBG016793	CNTT/23/4078	Đạt	
109	CNTT2743	Nguyễn Văn	Vinh	27/07/2006	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG016794	CNTT/23/4079	Đạt	
110	CNTT2744	Tạ Ngọc	Ánh	04/10/2006	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,0	DBG016795	CNTT/23/4080	Đạt	
111	CNTT2745	Chu Văn	Chính	14/09/2006	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG016796	CNTT/23/4081	Đạt	
112	CNTT2746	Dương Văn	Đức	22/04/2006	Thái Nguyên	Nam	6,2	6,0	DBG016797	CNTT/23/4082	Đạt	
113	CNTT2747	Nguyễn Ngọc	Hà	13/10/2006	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG016798	CNTT/23/4083	Đạt	
114	CNTT2748	Nguyễn Thị	Hải	27/11/2006	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,0	DBG016799	CNTT/23/4084	Đạt	
115	CNTT2749	Nguyễn Thị	Hạnh	08/06/2006	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	DBG016800	CNTT/23/4085	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
116	CNTT2750	Nguyễn Ngọc	Hiệp	27/09/2006	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG016801	CNTT/23/4086	Đạt	
117	CNTT2751	Đỗ Trần	Hiếu	18/10/2006	Bắc Giang	Nam	7,5	6,0	DBG016802	CNTT/23/4087	Đạt	
118	CNTT2752	Nguyễn Văn	Hiếu	09/01/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG016803	CNTT/23/4088	Đạt	
119	CNTT2753	Chu Bá Khánh	Hòa	22/08/2006	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG016804	CNTT/23/4089	Đạt	
120	CNTT2754	Đỗ Minh	Hòa	25/12/2006	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	DBG016805	CNTT/23/4090	Đạt	
121	CNTT2755	Vương Hữu	Hoan	30/07/2006	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG016806	CNTT/23/4091	Đạt	
122	CNTT2756	Tạ Thị	Huệ	05/04/2006	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,0	DBG016807	CNTT/23/4092	Đạt	
123	CNTT2757	Tổng Ngọc	Hưng	05/11/2006	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG016808	CNTT/23/4093	Đạt	
124	CNTT2758	Nguyễn Thu	Hương	02/03/2006	Bắc Giang	Nữ	7,5	6,0	DBG016809	CNTT/23/4094	Đạt	
125	CNTT2759	Nguyễn Thu	Hường	22/05/2006	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,0	DBG016810	CNTT/23/4095	Đạt	
126	CNTT2760	Nguyễn Trung	Kiên	23/03/2006	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	DBG016811	CNTT/23/4096	Đạt	
127	CNTT2761	Nguyễn Thị Phương	Lan	30/10/2006	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,0	DBG016812	CNTT/23/4097	Đạt	
128	CNTT2762	Lê Đức	Mạnh	23/09/2006	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG016813	CNTT/23/4098	Đạt	
129	CNTT2763	Lê Nguyễn Như Ý	Ngọc	12/10/2006	Đồng Nai	Nữ	6,5	5,5	DBG016814	CNTT/23/4099	Đạt	
130	CNTT2764	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	16/12/2006	Đồng Nai	Nữ	6,2	6,0	DBG016815	CNTT/23/4100	Đạt	
131	CNTT2765	Đỗ Danh	Phong	01/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,5	DBG016816	CNTT/23/4101	Đạt	
132	CNTT2766	Nguyễn Thị	Phương	30/08/2006	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,0	DBG016817	CNTT/23/4102	Đạt	
133	CNTT2767	Nguyễn Mạnh	Quang	04/11/2006	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG016818	CNTT/23/4103	Đạt	
134	CNTT2768	Nguyễn Hồng	Quân	19/05/2006	Bắc Giang	Nam	7,7	5,5	DBG016819	CNTT/23/4104	Đạt	
135	CNTT2769	Nguyễn Minh	Quân	30/09/2006	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG016820	CNTT/23/4105	Đạt	
136	CNTT2770	Chu Thị Thúy	Quỳnh	28/11/2006	Bắc Giang	Nữ	7,2	6,5	DBG016821	CNTT/23/4106	Đạt	
137	CNTT2771	Trần Ngọc	Sơn	13/08/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG016822	CNTT/23/4107	Đạt	
138	CNTT2772	Trần Ngọc	Thái	31/10/2005	Thái Nguyên	Nam	6,5	6,0	DBG016823	CNTT/23/4108	Đạt	
139	CNTT2773	Hà Trung	Thành	07/09/2006	Bắc Giang	Nam	6,5	5,0	DBG016824	CNTT/23/4109	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
140	CNTT2774	Nguyễn Hà Phương Thảo	27/05/2006	Đồng Nai	Nữ	6,2	5,0	DBG016825	CNTT/23/4110	Đạt	
141	CNTT2775	Nguyễn Đình Thiện	29/11/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG016826	CNTT/23/4111	Đạt	
142	CNTT2776	Nguyễn Văn Thúc	05/10/2006	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG016827	CNTT/23/4112	Đạt	
143	CNTT2777	Nguyễn Văn Tính	28/11/2006	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG016828	CNTT/23/4113	Đạt	
144	CNTT2778	Nguyễn Văn Toàn	18/10/2006	Bắc Giang	Nam	7,5	5,5	DBG016829	CNTT/23/4114	Đạt	
145	CNTT2779	Nguyễn Ngọc Văn	09/02/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG016830	CNTT/23/4115	Đạt	
146	CNTT2780	Ngô Đức Anh	09/01/2006	Bắc Giang	Nam	7,0	6,5	DBG016831	CNTT/23/4116	Đạt	
147	CNTT2781	Phạm Thị Xuân Cẩm	22/07/2006	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG016832	CNTT/23/4117	Đạt	
148	CNTT2782	Đỗ Linh Chi	25/01/2006	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,0	DBG016833	CNTT/23/4118	Đạt	
149	CNTT2783	Nguyễn Văn Chiến	09/08/1992	Bắc Giang	Nam	8,0	8,0	DBG016834	CNTT/23/4119	Đạt	
150	CNTT2784	Vũ Đức Cường	17/03/2006	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG016835	CNTT/23/4120	Đạt	
151	CNTT2785	Nguyễn Hoàng Dũng	26/12/1994	Bắc Ninh	Nam	8,5	8,0	DBG016836	CNTT/23/4121	Đạt	
152	CNTT2786	Nguyễn Xuân Đức	05/05/2006	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG016837	CNTT/23/4122	Đạt	
153	CNTT2787	Chu Thị Xuân Hằng	16/12/2006	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,5	DBG016838	CNTT/23/4123	Đạt	
154	CNTT2788	Đỗ Danh Hiệu	12/07/2006	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG016839	CNTT/23/4124	Đạt	
155	CNTT2789	Trương Thị Thu Hoài	16/05/2006	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG016840	CNTT/23/4125	Đạt	
156	CNTT2790	Nguyễn Thế Hoàng	18/12/2004	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG016841	CNTT/23/4126	Đạt	
157	CNTT2791	Nguyễn Hoài Linh	20/08/2006	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG016842	CNTT/23/4127	Đạt	
158	CNTT2792	Chu Thị Khánh Ly	25/06/2006	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,0	DBG016843	CNTT/23/4128	Đạt	
159	CNTT2793	Nguyễn Thị Mai	09/03/2006	Bắc Giang	Nữ	7,5	5,5	DBG016844	CNTT/23/4129	Đạt	
160	CNTT2794	Ngô Thị Mừng	05/02/1993	Bắc Ninh	Nữ	8,2	7,5	DBG016845	CNTT/23/4130	Đạt	
161	CNTT2795	Phạm Thị My	11/07/1997	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,0	DBG016846	CNTT/23/4131	Đạt	
162	CNTT2796	Nguyễn Thị Oanh	29/10/2006	Bắc Giang	Nữ	7,0	5,5	DBG016847	CNTT/23/4132	Đạt	
163	CNTT2797	Đỗ Văn Phong	21/09/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG016848	CNTT/23/4133	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
164	CNTT2798	Ngô Văn	Phú	02/11/2006	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG016849	CNTT/23/4134	Đạt	
165	CNTT2799	Phạm Thị	Phương	16/02/2006	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,0	DBG016850	CNTT/23/4135	Đạt	
166	CNTT2800	Lê Văn	Quang	26/12/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG016851	CNTT/23/4136	Đạt	
167	CNTT2801	Nguyễn Văn	Quân	01/06/2006	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG016852	CNTT/23/4137	Đạt	
168	CNTT2802	Nguyễn Thị Giang	Quí	23/01/1993	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,0	DBG016853	CNTT/23/4138	Đạt	
169	CNTT2803	Lê Văn	Quyền	13/07/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG016854	CNTT/23/4139	Đạt	
170	CNTT2804	Nguyễn Thế	Quyền	08/04/2006	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG016855	CNTT/23/4140	Đạt	
171	CNTT2805	Nguyễn Văn	Quyền	01/10/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG016856	CNTT/23/4141	Đạt	
172	CNTT2806	Nguyễn Văn	Sự	15/09/2006	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG016857	CNTT/23/4142	Đạt	
173	CNTT2807	Đinh Thị Thanh	Tâm	11/02/1990	Bắc Ninh	Nữ	8,2	7,5	DBG016858	CNTT/23/4143	Đạt	
174	CNTT2808	Lương Trọng	Tấn	30/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	DBG016859	CNTT/23/4144	Đạt	
175	CNTT2809	Nguyễn Thị	Thắm	11/05/2006	Bắc Giang	Nữ	7,5	6,0	DBG016860	CNTT/23/4145	Đạt	
176	CNTT2810	Chu Đức	Thịnh	16/11/2006	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG016861	CNTT/23/4146	Đạt	
177	CNTT2811	Ngô Thị	Thu	04/09/2006	Bắc Giang	Nữ	7,7	6,0	DBG016862	CNTT/23/4147	Đạt	
178	CNTT2812	Lê Thị	Thúy	06/09/1982	Hải Dương	Nữ	8,0	7,5	DBG016863	CNTT/23/4148	Đạt	
179	CNTT2813	Nguyễn Văn	Toàn	22/08/2006	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	DBG016864	CNTT/23/4149	Đạt	
180	CNTT2814	Nguyễn Thị Thu	Trang	17/05/2000	Bắc Giang	Nữ	8,2	8,5	DBG016865	CNTT/23/4150	Đạt	
181	CNTT2815	Nguyễn Đăng	Trung	21/08/2006	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG016866	CNTT/23/4151	Đạt	
182	CNTT2816	Lương Văn	Tú	17/08/2006	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG016867	CNTT/23/4152	Đạt	
183	CNTT2817	Nguyễn Ngọc	Vinh	16/02/2006	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	DBG016868	CNTT/23/4153	Đạt	
184	CNTT2818	Nguyễn Thị	Xuân	18/06/2006	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,0	DBG016869	CNTT/23/4154	Đạt	
185	CNTT2819	Nguyễn Thị Kim	Yến	20/09/2006	Bắc Giang	Nữ	7,0	6,0	DBG016870	CNTT/23/4155	Đạt	
186	CNTT2820	Lê Thị Ngọc	Anh	24/03/2006	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG016871	CNTT/23/4156	Đạt	
187	CNTT2821	Lê Thị Phương	Anh	28/03/2006	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,5	DBG016872	CNTT/23/4157	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
188	CNTT2822	Nguyễn Hải	Anh	10/05/2006	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG016873	CNTT/23/4158	Đạt	
189	CNTT2823	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	08/06/2006	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	DBG016874	CNTT/23/4159	Đạt	
190	CNTT2824	Đỗ Thị Sao	Băng	10/05/2006	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG016875	CNTT/23/4160	Đạt	
191	CNTT2825	Nguyễn Thị Kim	Chi	30/09/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	6,5	DBG016876	CNTT/23/4161	Đạt	
192	CNTT2826	Nguyễn Việt	Dũng	02/07/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG016877	CNTT/23/4162	Đạt	
193	CNTT2827	Nguyễn Trọng	Đám	16/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG016878	CNTT/23/4163	Đạt	
194	CNTT2828	Đỗ Tiến	Đạt	21/06/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG016879	CNTT/23/4164	Đạt	
195	CNTT2830	Nguyễn Thu	Hà	04/02/2006	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG016880	CNTT/23/4165	Đạt	
196	CNTT2831	Chu Thị	Hằng	09/01/2006	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,5	DBG016881	CNTT/23/4166	Đạt	
197	CNTT2832	Nguyễn Thị Thu	Hiền	30/04/2006	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,0	DBG016882	CNTT/23/4167	Đạt	
198	CNTT2833	Nguyễn Quang	Hoàng	24/08/2006	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG016883	CNTT/23/4168	Đạt	
199	CNTT2834	Nguyễn Văn	Hoàng	04/04/2006	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG016884	CNTT/23/4169	Đạt	
200	CNTT2835	Đỗ Thị Thu	Hồng	08/06/2006	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	DBG016885	CNTT/23/4170	Đạt	
201	CNTT2836	Hoàng Thị	Lan	27/05/2006	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,0	DBG016886	CNTT/23/4171	Đạt	
202	CNTT2837	Diêm Thị	Lanh	15/05/2006	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,0	DBG016887	CNTT/23/4172	Đạt	
203	CNTT2838	Dương Thị	Linh	28/02/2006	Bắc Giang	Nữ	7,2	6,0	DBG016888	CNTT/23/4173	Đạt	
204	CNTT2839	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	01/03/2006	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	DBG016889	CNTT/23/4174	Đạt	
205	CNTT2840	Nguyễn Thị	Ngoan	16/09/2006	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,0	DBG016890	CNTT/23/4175	Đạt	
206	CNTT2841	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	01/05/2006	Bắc Giang	Nữ	7,0	6,0	DBG016891	CNTT/23/4176	Đạt	
207	CNTT2842	Dương Văn	Phẩm	11/05/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG016892	CNTT/23/4177	Đạt	
208	CNTT2843	Nguyễn Minh	Quang	31/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG016893	CNTT/23/4178	Đạt	
209	CNTT2845	Đỗ Tú	Quyên	29/10/2006	Hà Nội	Nữ	6,2	6,0	DBG016894	CNTT/23/4179	Đạt	
210	CNTT2846	Diêm Đăng	Quỳnh	19/10/2006	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,5	DBG016895	CNTT/23/4180	Đạt	
211	CNTT2847	Nguyễn Thị Hương	Thảo	24/07/2006	Bắc Giang	Nữ	7,5	6,0	DBG016896	CNTT/23/4181	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
212	CNTT2848	Nguyễn Công Thống	21/12/2006	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG016897	CNTT/23/4182	Đạt	
213	CNTT2849	Đình Thu Trang	13/10/2006	Bắc Giang	Nữ	7,0	5,5	DBG016898	CNTT/23/4183	Đạt	
214	CNTT2850	Nguyễn Mai Trinh	15/07/2005	Cao Bằng	Nữ	6,2	6,0	DBG016899	CNTT/23/4184	Đạt	
215	CNTT2851	Ngô Khánh Vân	11/10/2006	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,0	DBG016900	CNTT/23/4185	Đạt	
216	CNTT2852	Bùi Nguyễn Lê Vi	31/03/2005	Đồng Nai	Nữ	6,7	6,0	DBG016901	CNTT/23/4186	Đạt	
217	CNTT2853	Nguyễn Văn Việt	10/10/2006	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG016902	CNTT/23/4187	Đạt	

Danh sách có 217 thí sinh./.